TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Phương và ông Thái Hoàng Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đình Chiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17-9-2019 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐST-DS ngày 22-10-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vương Thị Thu T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Khánh D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Vương Thị Thu T trình bày: Chị và anh Phan Khánh D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25-9-2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, đời sống chung ban đầu hạnh phúc. Tháng 5/2019, chị và anh D phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, anh D bạo lực gia đình, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu: Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Về con chung: Chị T và anh D

có 01 con chung là Phan Nhật M, sinh ngày 23-4-2017, chị T yêu cầu được nuôi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phan Khánh D trình bày: Anh thừa nhận việc đăng ký kết hôn như chị T đã trình bày nhưng mâu thuẫn phát sinh khoảng tháng 3/2019 do chị T không đảm đan việc nhà, chị T xúc phạm nên anh có đánh. Mâu thuẫn gia đình chưa trầm trọng nên anh momg muốn được đoàn tụ. Về con chung: Có 01 con chung là Phan Nhật M sinh ngày 23-4-2017, nếu ly hôn anh nhận trực tiếp nuôi không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đồng ý ly hôn nhưng không thống nhất việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Thu T được ly hôn với anh Phan Khánh D; về con chung: Giao con chung Phan Nhật M, sinh ngày 23-4-2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng: Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Vương Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con với anh Phan Khánh D; chị T và anh D có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật là *" ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*; anh D có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Vương Thị Thu T, thấy rằng:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phan Khánh D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25-9-2015 tại UBND xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk là có thật và hợp pháp; do mâu thuẫn, anh D bạo lực gia đình, chị T và anh D đã ly thân, thể hiện cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là cháu Phan Nhật M, sinh ngày 23-4-2017. Tại phiên tòa, đương sự chứng minh đều đủ điều kiện nuôi con nhưng cháu M còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nếu được mẹ nuôi dưỡng thì điều kiện chăm sóc tốt hơn nên cần giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp; về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Thu T.

1.1. Vệ quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Thu T được ly hôn với anh Phan Khánh D.

1.2. Về con chung: Giao cháu Phan Nhật M, sinh ngày 23-4-2017 cho chị Vương Thị Thu T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về cấp dưỡng: Anh Phan Khánh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Vương Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002746, ngày 17-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; chị T nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (để vào sổ Hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh